TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:19/2021/DS-PT
Ngày: 08 – 3 - 2021
V/v tranh chấp liên quan đến
tài sản bị cưỡng chế thi hành án.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch
Bà Lê Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Nghị – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2020/TLPT-DS ngày 09/12/2020 về việc *"Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐ-PT ngày 06/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hải N, sinh năm 1969. Cư trú tại: Thôn 8, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Ông N ủy quyền cho ông Lưu Hùng S, sinh năm 1995. Cư trú tại: Thôn 8, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (văn bản ủy quyền ngày 08/3/2021).

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Văn H, sinh năm 1960 và bà Trần Thị V, sinh năm 1967. Cùng trú tại: Thôn 8, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Số 10, đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chi cục trưởng chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

3.2. Ông Trần Nguyên T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. Cùng trú tại: Thôn 8, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H ủy quyền cho ông Trần Nguyên T, sinh năm 1969. Cư trú tại: Thôn 8, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021) (Ông T có mặt, bà H vắng mặt).

3.3. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1976

Cư trú tại: Thôn 8, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt)..

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trần Hải N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/10/2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Trần Hải N trình bày:

Vào ngày 15/9/2011, ông Trần Hải N nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trần Thị V phần đất mặt đường quốc lộ 55 có chiều ngang 3,2m, chiều dài 60m, diện tích đất 192m^2 thuộc một phần thửa 217, tờ bản đồ 14, xã Lộc N, huyện B với giá chuyển nhượng là 68.000.000 đồng, ông N đã thanh toán cho ông H, bà V số tiền 60.000.000 đồng, còn 8.000.000 đồng hai bên thỏa thuận khi nào ông H, bà V làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất thì ông N sẽ trả đủ số tiền còn lại. Vị trí đất nằm giữa đất nhà Ông T với ông H, bà V, phía sau giáp đất Ủy ban nhân dân xã Lộc N. Khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy tay vào ngày 15/9/2011. Sau đó, ông N đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà V làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nhưng vợ chồng ông H, bà V không thực hiện cũng như chưa bàn giao diện tích đất cho ông N quản lý và sử dụng. Theo bản đo đạc địa chính thửa đất ngày 17/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng kí đất đai huyện B thì diện tích đất ông H, bà V chuyển nhượng cho ông N là 160m^2 thuộc một phần thửa 217, tờ bản đồ 14, xã Lộc N, huyện B. Phần diện tích đất vợ chồng ông H, bà V chuyển nhượng cho ông N chính là phần diện tích đất tranh chấp giữa vợ chồng Ông T, bà H với vợ chồng ông H, bà V.

Tại bản án số 18/2017 DS- ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B và bản án số 28/2018/DS- PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử buộc vợ chồng ông H, bà V trả lại cho vợ chồng Ông T, bà H diện tích đất 133m^2 đất nông nghiệp (có trích đo địa chính thửa đất ngày 13/8/2015 của Chi

nhánh văn Phòng đăng kí đất đai huyện B kèm theo), vợ chồng Ông T, bà H được sở hữu, sử dụng toàn bộ công trình trên đất và có trách nhiệm thanh toán giá trị công trình xây dựng là 87.002.900 đồng.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 736361 do UBND huyện B cấp ngày 21/5/2012 cho hộ ông Lê Văn H, bà Trần Thị V đối với diện tích 131m^2 (thực tế là 133 m^2) thuộc một phần thửa 217, tờ bản đồ 14, xã Lộc N, huyện B.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà V tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy viết tay ngày 15/9/2011, ông N đồng ý trả cho vợ chồng bà V, ông H số tiền 8.000.000 đồng còn lại.

Ông N khẳng định số tiền mà ông N trả cho ông H, bà V không phải tài sản chung của vợ chồng ông N và bà L, đây là tài sản riêng của ông N không liên quan đến bà L.

Nếu yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận thì ông N không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong vụ án này.

Bị đơn bà Trần Thị V trình bày: Năm 2000, bà và ông Lê Văn H từ miền Bắc vào xã Lộc N, huyện B để làm ăn sinh sống, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng phần đất của Nông trường Dâu tằm tơ Bảo Lộc có chiều ngang mặt đường quốc lộ là 06m, chiều dài 60m. Do phần đất bên cạnh là đất hoang nên mở rộng thêm 3,2m, tổng cộng là 9,2m, có diện tích 427m^2. Năm 2004, vợ chồng bà làm nhà và ở ổn định đến nay.

Năm 2011, do cần vốn làm ăn nên vợ chồng bà đặt vấn đề để chuyển nhượng cho em trai là Trần Hải N chiều ngang mặt đường là 3,2m, chiều dài 60m với giá chuyển nhượng là 68.000.000 đồng, ông N đã trả 60.000.000 đồng, số tiền còn lại là 8.000.000 đồng ông N sẽ trả sau khi vợ chồng bà làm thủ tục tách thửa và sang tên cho ông N.

Ngày 21/5/2012, vợ chồng bà được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 217, tờ bản đồ 14, xã Lộc N, huyện B có diện tích 427m^2. Phần đất mà vợ chồng bà chuyển nhượng cho ông N nằm trong diện tích đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà.

Khi vợ chồng bà làm thủ tục tách thửa sang tên cho ông N thì ông Trần Nguyên Tân liên tục khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả lại phần diện tích mà vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho ông N.

Nay ông N khởi kiện, vợ chồng bà mong ông N rút đơn về để bảo đảm quyền lợi và tình cảm của chị em.

Bị đơn ông Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện B trình bày*: Theo đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Nguyên Tân yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện B thi hành Bản án số: 18/2017 DS- ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án số: 28/2018/DS-PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì Chi cục thi hành án dân sự huyện B đã thực hiên như sau:

- Về án phí: Theo Quyết định số: 367/QĐ-CCTHADS ngày 30/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B thì ông Lê Văn H và bà Trần Thị V đã nộp số tiền 5.907.200 đồng, số tiền này được khấu trừ từ số tiền của ông Trần Nguyên Tân và bà Nguyễn Thị H tự nguyện thi hành nghĩa vụ cho ông H, bà V số tiền 87.002.900 đồng và ông Trần Nguyên Tân đã nộp số tiền 3.600.104 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Đối với nghĩa vụ ông H, bà V phải trả cho Ông T, bà H đối với diện tích 131m^2 thuộc một phần thửa 217, tờ bản đồ 14, xã Lộc N, huyện B theo trích đo địa chính ngày 13/8/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thì Chi cục thi hành án dân sự huyện B ban hành Quyết định số: 399/QĐ-CCTHADS ngày 03/4/2018 về việc thi hành án theo đơn yêu cầu; và ông H, bà V phải trả cho Ông T, bà H số tiền 4.377.800 đồng cũng được cấn trừ từ số tiền Ông T, bà H tự nguyện thi hành nghĩa vụ trả cho ông H, bà V số tiền 87.002.900 đồng.

- Theo Quyết định số: 400/QĐ-CCTHADS ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B về phần Ông T, bà H phải thanh toán cho ông H, bà V số tiền 87.002.900 đồng thì Ông T, bà H đã tự nguyện thi hành nghĩa vụ. Chi cục thi hành án dân sự huyện B đã thông báo hợp lệ cho ông H, bà V để nhận tiền nhưng ông H, bà V không nhận. Do vậy, Chi cục thi hành án dân sự huyện B đã gửi tiết kiệm số tiền này tại Ngân hàng cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc vào ngày 29/5/2018.

Hiện nay, Chi cục thi hành án dân sự huyện B chưa thi hành bàn giao đất cho Ông T, bà H theo Quyết định số: 399/QĐ-CCTHADS ngày 03/4/2018 vì Chi cục thi hành án dân sự huyện B nhận được thông báo thụ lý vụ án số: 142A/TB-TA ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết tranh chấp thửa đất 217, tờ bản đồ 14, xã Lộc N, huyện B giữa ông Trần Hải N với ông Lê Văn H, bà Trần Thị V nên Chi cục thi hành án dân sự huyện B căn cứ vào điểm đ Khoản 1

Điều 48 Luật thi hành án dân sự ban hành Quyết định hoãn thi hành án số: 03/QĐ-CCTHADS ngày 14/3/2019 để chờ kết quả giải quyết của Tòa án.

- *Ông Trần Nguyên T trình bày*: Tại Bản án số: 18/2017/DS-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án số: 28/2018/DS-PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã công nhận diện tích 133m^2 thuộc thửa một phần thửa đất 217, tờ bản đồ 14, xã Lộc N, huyện B thuộc quyền sử dụng cho vợ chồng ông. Ngoài ra, vợ chồng ông phải thanh toán lại giá trị phần mái tôn được vợ chồng ông H, bà V xây dựng trên đất. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã có quyết định kê biên phần diện tích đất tranh chấp nêu trên. Đến nay, vợ chồng ông vẫn chưa được bàn giao lại cũng như chưa được quản lý và sử dụng diện tích đất 133 m^2 thuộc thửa một phần thửa đất 217, tờ bản đồ 14, xã Lộc N, huyện B. Ông cũng đã thực hiện nghĩa vụ của mình theo bản án đã tuyên là trả lại giá trị công trình xây dựng trên đất là 87.900.000 đồng cho vợ chồng ông H, bà V. Số tiền này ông đã nộp vào kho bạc nhà nước huyện B.

Nay ông Trần Hải N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn H và bà Trần Thị V tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông H, bà V có diện tích 133m^2 thuộc một phần thửa đất 217, tờ bản đồ 14, xã Lộc N, huyện B thì vợ chồng ông hoàn toàn không đồng ý. Vì phần diện tích đất này đã được công nhận cho vợ chồng ông, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lời khai.*

- *Bà Đỗ Thị L trình bày*: Bà và ông Trần Hải N là vợ chồng. Từ năm 2002, gia đình bà chuyển đến xã Lộc N, huyện B sinh sống và lập nghiệp. Bà không biết chồng bà đã thỏa thuận với ông Lê Văn H và bà Trần Thị V để mua lô đất có chiều ngang 3,2m, chiều sâu 60m với giá chuyển nhượng 68.000.000 đồng. Bà nghĩ rằng quá trình làm ăn ông N để dành riêng số tiền này để mua đất, bà không tranh chấp số tiền này với ông N và việc ông N khởi kiện bà không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hải N đối với bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị V về *"Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"*. Huỷ giấy thỏa thuận mua bán đất viết tay ngày 15/9/2011 giữa ông Lê Văn H, bà Trần Thị V với ông Trần Hải N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020, nguyên đơn ông Trần Hải N kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, đồng thời buộc vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trần Thị V tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo giấy thỏa thuận mua bán đất đã ký ngày 15/9/2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Hải N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hải N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1] Xuất phát từ việc ngày 15/9/2011, ông Trần Hải N nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trần Thị V (hợp đồng chỉ viết tay với nhau) phần diện tích đất mặt đường quốc lộ 55 có chiều ngang 3,2m, chiều dài 60m, diện tích 192m^2 thuộc một phần thửa đất 217, tờ bản đồ số 14, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng với giá chuyển nhượng là 68.000.000 đồng, ông N đã thanh toán được 60.000.000 đồng, còn 8.000.000 đồng hai bên thỏa thuận khi nào ông H, bà V làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất thì ông N sẽ thanh toán hết số tiền còn lại.

Ông N đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà V làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nhưng vợ chồng ông H, bà V không thực hiện.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 17/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thì diện tích đất của ông H, bà V chuyển nhượng cho ông

N là 160m^2 thuộc một phần thửa đất 217, tờ bản đồ số 14, xã Lộc N huyện B chính là diện tích đất tranh chấp giữa vợ chồng Ông T, bà H và vợ chồng ông H, bà V đây là tài sản đang bị cưỡng chế thi hành án.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà V tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng theo giấy viết tay ngày 15/9/2011 đối với phần đất có chiều ngang 3,2m, chiều dài 60m, diện tích đất 192m^2 thuộc một phần thửa 217, tờ bản đồ số 14, xã Lộc N, huyện B. Đây là tài sản đang bị cưỡng chế thi hành án để thi hành Bản án số: 18/2017/DS-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án Dân sự phúc thẩm số: 28/2018/DS-PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hải N thì thấy rằng:

[3.1]. Theo giấy thỏa thuận mua bán đất viết tay được lập ngày 15/9/2011 thể hiện ông Trần Hải N nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trần Thị V phần đất mặt đường quốc lộ 55 chiều ngang 3,2m, chiều dài 60m, diện tích 192m^2, vị trí đất giáp nhà ông H với Ông T, phía sau giáp UBND xã Lộc N với giá 68.000.000 đồng, ông N đã thanh toán được 60.000.000 đồng cho vợ chồng ông H, bà V, còn lại 8.000.000 đồng hai bên thỏa thuận khi nào ông H, bà V làm thủ tuc sang tên quyền sử dụng đất thì ông sẽ thanh toán hết số tiền còn lại.

Tuy nhiên, tại thời điểm bà V chuyển nhượng đất cho ông N thì diện tích đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại giấy thỏa thuận mua bán đất viết tay ngày 15/9/2011 chỉ có bà V ký vào thỏa thuận mua bán đất, ông N không ký vào giấy thỏa thuận mua bán đất và không được công chứng, chứng thực theo quy định.

Do vậy, thỏa thuận chuyển nhượng giữa ông N và bà V vô hiệu do vi phạm về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122 BLDS 2005 là "*giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản, phải có công chứng hoặc chứng thực*…." và Điều 106 luật Đất đai 2003.

[3.2]. Theo kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 17/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thì diện tích đo đạc là 160m^2 thuộc một phần

thửa 217, tờ bản đồ số 14, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng phần diện tích đất này đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án Dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DSST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án Dân sự phúc thẩm số: 28/2018/DSPT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử buộc vợ chồng ông H, bà V trả lại cho vợ chồng Ông T, bà H diện tích đất 133m^2, theo Quyết định cưỡng chế thi hành án số: 11/QĐ-CCTHADS ngày 20/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B cưỡng chế diện tích 133m^2. Thời điểm ông N khởi kiện thì 02 bản án nêu trên đã có hiệu lực pháp luật và Chi cục thi hành án dân sự huyện B đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-CCTHADS ngày 20/02/2019 để thi hành 02 bản án nêu trên.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nội dung của vụ án, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật. Hủy thỏa thuận mua bán đất viết tay ngày 15/9/2011 giữa ông Lê Văn H và bà Trần Thị V với ông Trần Hải N.

Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng do ông N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét là có căn cứ, khi nào ông N có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hải N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 12.439.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của ông N không được chấp nhận nên ông N phải chịu số tiền này.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hải N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hải N, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hải N đối với bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị V về "*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"*. Hủy

giấy thảo thuận mua bán đất viết tay ngày 15/9/2011 giữa ông Lê Văn H, bà Trần Thị V với ông Trần Hải N.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Hải N phải chịu số tiền 12.439.200 đồng, ông N đã nộp đủ.

3. Về án phí: Buộc ông Trần Hải N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0005481 ngày 14/12/2018 và 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004705 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho ông N 3.450.000 đồng tiền án phí còn dư.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV &THA;
- TAND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Mạnh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

…… **……..** **Đỗ Mạnh Hùng**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân **Huỳnh Châu Thạch** **Nguyễn Văn Thanh**